

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẬP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2008/NQ-HĐND

Yên Lập, ngày 10 tháng 01 năm 2008

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê duyệt đề án phát triển kinh tế đồi rừng huyện Yên Lập  
giai đoạn 2008 - 2010, định hướng đến năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định 1656/QĐ-UBND ngày 05/7/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Đề án phát triển rừng sản xuất tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Yên Lập giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/HU ngày 25/8/2006 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện giai đoạn 2006 - 2010;

Sau khi xem xét đề án phát triển kinh tế đồi rừng huyện Yên Lập giai đoạn 2008 - 2010. Định hướng 2015 và Tờ trình số: 704/TTr-UBND ngày 28/12/2007 của UBND huyện Yên Lập; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế xã hội HĐND và thảo luận,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phê chuẩn đề án phát triển kinh tế đồi rừng huyện Yên Lập giai đoạn 2008 - 2010. Định hướng 2015 với các nội dung sau:**

**1. Mục tiêu tổng quát**

- Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 3 loại rừng. Quản lý tốt rừng tự nhiên hiện có, gia tăng diện tích và năng suất rừng trồng, tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp và sử dụng có hiệu quả các diện tích đất trống đồi trọc phù hợp cho phát triển lâm nghiệp.

- Đảm bảo sự tham gia rộng rãi của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động Lâm Nghiệp, nhằm đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường, góp phần xóa đói giảm nghèo nâng cao mức sống của người dân ở các xã đặc biệt khó khăn.

- Nâng cao nhận thức và hiểu biết của chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan và cộng đồng trong vùng về quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, hệ sinh thái rừng hỗn loài, bảo vệ các loài gỗ quý.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả và khoa học các thảo thực vật để tăng độ phì cho đất, chống sói mòn, góp phần điều tiết nguồn nước phục vụ cho sản xuất và đời sống, đảm bảo độ che phủ rừng từ 65% trở lên.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Quản lý, phát triển bền vững và có hiệu quả 31.100,3 ha đất được quy hoạch cho lâm nghiệp. Trong đó đất rừng sản xuất 22.319,3 ha, đất rừng phòng hộ 8.451 ha, đất rừng đặc dụng 330 ha (xã Minh Hòa), nâng tỷ lệ đất có rừng lên 65% vào năm 2010.

- Đến năm 2010, ổn định và phát triển bền vững 11.635 ha rừng trồng nguyên liệu tập trung, 1.370,3 ha rừng cây gỗ lớn, 9.315 ha rừng kinh doanh gỗ nhỏ và cây đặc sản thông qua việc làm giàu rừng bằng các biện pháp bảo vệ khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, xây dựng các mô hình vườn rừng, trang trại lâm nghiệp nhằm sử dụng tối đa tiềm năng đất đai, nâng cao tác dụng phòng hộ, bảo vệ môi trường, làm đẹp cảnh quan, bảo tồn nguồn gen đa dạng sinh học.

- Từ năm 2015 trở đi, giữ ổn định 22.319,3 ha rừng sản xuất, trong đó: Rừng trồng nguyên liệu 11.635 ha, rừng cây gỗ lớn 1.370,3 ha, kinh doanh gỗ nhỏ và cây đặc sản 9.315 ha; đảm bảo tái tạo ngay rừng mới (trồng mới, trồng bổ sung, thâm canh rừng hiện có...) trên những diện tích rừng vừa khai thác.

## **Điều 2. Những nhiệm vụ và giải pháp cơ bản**

### **1. Nhiệm vụ.**

Đảm bảo quỹ đất để ổn định diện tích 22.319,3 ha rừng sản xuất theo các loại hình kinh doanh chính sau:

\* Trồng mới rừng sản xuất: 13.005 ha trong đó:

- Trồng mới rừng nguyên liệu theo hướng thâm canh cao 11.635 ha, các loài cây Acacia, bạch đàn, bồ đề, keo...

- Trồng mới rừng gỗ lớn 1.370,3 ha

\* Trồng rừng lâm sản ngoài gỗ và các nguyên liệu khác 9.315 ha.

Quy hoạch hợp lý, quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống rừng phòng hộ 8.451 ha; trong đó rừng phòng hộ tự nhiên 7.009 ha, rừng trồng 1.442 ha nhằm đảm bảo tối đa các yêu cầu về phòng hộ.

Đối với rừng đặc dụng: Rà soát và tiếp tục khoanh nuôi bảo vệ cho hệ thống rừng đặc dụng hiện có với tổng diện tích 330 ha (xã Minh Hòa).

## **2. Giải pháp**

### *a) Giải pháp về đất*

Đảm bảo quỹ đất ổn định 31.100,3 ha đất sản xuất lâm nghiệp.

Tạo các điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật. Khuyến khích tích tụ đất đai để tạo ra vùng trồng rừng nguyên liệu tập trung.

Xác định rõ ranh giới các chủ quản lý sử dụng đất, giải quyết dứt điểm các hiện tượng tranh chấp, xâm lấn giữa các lâm trường và hộ gia đình.

Thu hồi đất trồng rừng của những tổ chức, cá nhân không sử dụng hoặc sử dụng sai mục đích, không hiệu quả.

### *b) Giải pháp về vốn*

Huy động các nguồn vốn để phát triển kinh tế đồi rừng. Bao gồm các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, vốn vay, vốn huy động của các thành phần kinh tế, vốn tự có của người dân và các nguồn vốn khác.

Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn đầu tư đủ định mức, đúng hạng mục, nhằm nâng cao hiệu quả vốn đầu tư theo quy định.

### *c) Giải pháp về khoa học công nghệ*

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật về trồng rừng, khoanh nuôi, phục hồi, cải tạo, nuôi dưỡng và làm giàu rừng, phòng trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác sử dụng rừng.

Tăng cường các giải pháp nông lâm kết hợp, gây trồng lâm sản ngoài gỗ để nâng cao nguồn thu nhập cho người làm nghề rừng.

Tiếp tục nghiên cứu xác định cơ cấu cây rừng thích hợp cho từng vùng sinh thái; xây dựng quy trình, quy phạm kỹ thuật trồng rừng cây lấy gỗ, lâm sản ngoài gỗ, trồng bổ sung rừng phòng hộ tự nhiên. Trước mắt lựa chọn các mô hình theo công thức trồng rừng đã được khẳng định.

### *d) Giải pháp về nguồn nhân lực*

Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới: Hướng dẫn, tuyên truyền, khuyến cáo biện pháp kỹ thuật để xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp cho hiệu quả kinh tế cao.

Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chỉ đạo, cán bộ khuyến lâm và các chủ rừng.

### *e) Giải pháp về cơ chế chính sách*

Thực hiện cơ chế bảo đảm cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia sản xuất lâm nghiệp được tiếp cận và vay vốn dài hạn phù hợp với chu kỳ kinh doanh cây lâm nghiệp từ các nguồn vốn đầu tư và tín dụng.

Đối với rừng sản xuất thực hiện chính sách hỗ trợ trồng các loài cây quý hiếm, cây có chu kỳ kinh doanh dài và hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng lâm nghiệp, công trình và thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh.

Thực hiện chính sách giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp nhằm tạo động lực để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia trồng, bảo vệ, phát triển, kinh doanh lâm sản phát triển kinh tế trang trại và đảm bảo lợi ích thỏa đáng cho các chủ rừng.

Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi chủ rừng, mỗi người dân và toàn xã trong việc bảo vệ và phát triển rừng.

*f) Giải pháp về khai thác, chế biến gỗ và tiêu thụ lâm sản*

Hoạt động khai thác phải tuân thủ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, các quy chế và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Khuyến khích thành lập các tổ chức dịch vụ khai thác, vận chuyển gỗ nguyên liệu trên cơ sở hợp đồng kinh tế với người sản xuất.

Khuyến khích thành lập các hội, hiệp hội, các nhà sản xuất, chế biến và kinh doanh lâm sản, xây dựng kênh tiêu thụ sản phẩm thông qua các hội, hiệp hội để đảm nhiệm khâu kết nối, đón nhận đầu tư vào lĩnh vực chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

*g) Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch và giám sát*

Tiến hành thống kê, kiểm kê và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng gắn với thống kê, kiểm kê đất đai.

Lồng ghép các dự án lâm nghiệp với các chương trình dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp và nông thôn trên địa bàn.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện.**

Hội đồng nhân dân huyện giao:

- UBND huyện triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực HĐND huyện, các Ban UBND huyện, các đại biểu HĐND huyện tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2008.

**CHỦ TỊCH**

**Đinh Ngọc Thanh (Đã ký)**